

ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

**Về việc: Cung cấp vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo học kỳ II năm học 2024 – 2025
cho trường Đại học Y – Dược**

Kính gửi: Các Đơn vị Cung cấp dụng cụ vật tư y tế cho giảng dạy

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-ĐHTN ngày 14/4/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự toán “Mua vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo học kỳ II năm học 2024 – 2025” của Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số PL2500079037 ngày 14/4/2025 đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên tổ chức mời Quý công ty Báo giá các đầu mục công việc: Cung cấp vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo học kỳ II năm học 2024 – 2025 cho trường Đại học Y – Dược. Yêu cầu Báo giá chi tiết kèm theo thư mời này.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ: phòng Tài chính - Cơ sở vật chất thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên - Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

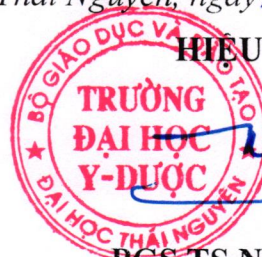
Báo giá bao gồm: Bản chào giá và các thông tin khác của công ty

Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Tài chính - Cơ sở vật chất Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên - Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày 14/4/2025 đến trước 15h00 ngày 16/4/2025 (trong giờ hành chính).

Cảm ơn sự quan tâm của Quý công ty.

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

Phần 1. YÊU CẦU BÁO GIÁ CHI TIẾT

Cung cấp vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo học kỳ II năm học 2024 – 2025
cho trường Đại học Y – Dược

Nội dung chi tiết

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Búa khám phản xạ thần kinh	Cái	20	
2	Buret có khoá nhựa (25ml loại thường)	Cái	8	
3	Casette chuyên/ đúc bệnh phẩm loại nhựa nhám	Cái	1000	
4	Cối chà đồng	Bộ	2	
5	Chỉ lạnh phẫu thuật (chỉ line khâu da động vật)	cuộn	82	
6	Giá Buret	Bộ	8	
7	Giá đỡ ống nghiệm inox phi 10 nhựa	Cái	5	
8	Giá đỡ ống nghiệm Inox 10.12 inox	Cái	50	
9	Giá đỡ bình chiết	Bộ	40	
10	Giá đỡ bình ngấm kiệt inox	Cái	3	
11	Giá đỡ bộ cắt kẹp, khớp nối	Bộ	3	
12	Giá đỡ buret 3 chân	Bộ	5	
13	Giá lọc	Cái	10	
14	Giá ống nghiệm nhựa phi 20	Cái	50	
15	Giá ống nghiệm phi 18 Inox	Cái	50	
16	Giấy điện tim 3 cần	Cuộn	22	
17	Giấy nhám thô	Tờ	1000	
18	Hộp chống sốc phản vệ (Chỉ Hộp không thành phần bên trong)	Cái	12	
19	Hộp giấy màu vàng đựng dụng cụ sắc nhọn	Hộp	30	
20	Hộp nhựa có nắp 55ml	Cái	300	
21	Kéo inox thẳng đầu nhọn 16 cm	Cái	10	
22	Kéo inox thẳng đầu tù 16cm	Cái	3	
23	Kéo tiểu phẫu 10cm	Cái	6	
24	Kéo thẳng nhọn 18cm	Cái	40	
25	Kẹp gấp 25 cm	Cái	23	
26	Kẹp giữ buret (Kẹp càng cua)	cái	40	
27	Kẹp mạch máu 16cm	cái	3	
28	Kẹp ống nghiệm gỗ	Cái	60	
29	Kẹp phẫu tích 10 cm	Cái	10	
30	Kẹp phẫu tích 16cm có máu	Cái	23	
31	Kẹp phẫu tích 16cm không máu	Cái	16	
32	Kẹp rốn nhựa	Cái	12	
33	Kiềng inox (để đèn cồn)	Cái	12	
34	Kim bật tròn 10 x45	Cái	10	
35	Kim bướm 23G	Cái	90	
36	Kim chọc dò tủy sống	Cái	32	
37	Kim khâu ruột (cỡ 0,9*36) Kim bật	Cái	1500	

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
38	Kim khâu ruột 0.4x30	Cái	60	
39	Kim khâu tròn (cỡ 0,9*36) - Kim bất	Cái	1500	
40	Kính lúp phi 60mm	Cái	19	
41	Khay đựng sâu lớn 800ml	Cái	5	
42	Khay đựng sâu trung 400 ml	Cái	10	
43	khay inox 20x30cm	cái	15	
44	Khay inox 30x40	Cái	4	
45	Khẩu trang phòng độc	Cái	1	
46	Lamen 22*22	Hộp	108	
47	Lưỡi dao cắt vi thể dùng 1 lần - leica (Hộp 50 lưỡi)	Hộp	3	
48	Màng lọc cellulose acetat 0,45µm	hộp	2	
49	Mặt nạ chống độc	Cái	4	
50	Microtiter 100µl	Cái	3	
51	Mũ phẫu thuật (loại dùng 1 lần)	Cái	114	
52	Multisic 10 thông số	Hộp	5	
53	Nẹp bất động đốt sống cổ	Cái	4	
54	Nẹp gỗ 118(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm	Cái	10	
55	Nẹp gỗ 80(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm	Cái	10	
56	Nhiệt kế (rượu, màu đỏ) 0°- 100° (dài 35cm) không bầu	Cái	21	
57	Nhiệt kế thủy ngân 100 độ C	Cái	20	
58	Ống đo Wintrobe lấy máu	Cái	80	
59	Ống hút nhựa 3ml	Cái	40	
60	Ống hút Pasteur 10 cm có quả bóp	Cái	400	
61	Ống mao quản chấm sắc kí 10µl, dài 125mm	Hộp	5	
62	Ống nội khí quản 6,5	Cái	10	
63	Ống nghe tim phổi	Cái	35	
64	Ống nghe tim thai gỗ	Cái	10	
65	Ống nghiệm nhựa 15ml có nút	Cái	150	
66	Ống nghiệm nhựa không nắp không chống đông	Cái	1000	
67	Ống nhựa 15ml có nắp vận ly tâm	ống	90	
68	Ống vi mao quản 0.25mm	Hộp	3	
69	Panh 18cm	Cái	1	
70	panh 25cm có mẫu	Cái	5	
71	Panh không mẫu 20 cm	Cái	22	
72	Panh thẳng 16cm có mẫu	Cái	15	
73	Panh thẳng 18cm có mẫu	Cái	4	
74	Pen sân hình tim	Cái	5	
75	Pipet hút 2ml	Cai	30	
76	Pipet nhựa 3ml	Cái	5	
77	Pipet thẳng 1ml	Cái	20	
78	Pipet thẳng 2ml	Cái	20	
79	Pipet thẳng 5ml	Cái	20	
80	Quả bóp cao su (Loại dùng cho pipet các cỡ nhỏ và vừa)	Quả	620	

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
81	Quần áo bệnh nhân loại tốt vải	Bộ	12	
82	Que cấy nhựa	Cái	5	
83	Que lấy mẫu xét nghiệm SPATULA	Cái	100	
84	Que Quệt lấy mẫu sản khoa (que gỗ)	Hộp	2	
85	Săng trải 60*80 cm Săng y tế	Cái	25	
86	Săng trải 80cm x 120cm có lỗ 10cm x 20cm - Bịch 10c	Cái	10	
87	Săng vải kaki thô KT 140 * 160 cm - Bịch 10c	Cái	10	
88	Sonde Levin 16Fr hút dịch	Cái	15	
89	Sone Foley 14 Fr	Cái	110	
90	Sone nelatone 14Fr	Cái	20	
91	Sùng bò (nối đầu ống sinh hàn)	Cái	5	
92	Tấm bông gói 100 que	Gói	10	
93	Tấm bông lấy bệnh phẩm vô trùng (ống + que)	Cái	100	
94	Test Coombs	Test	30	
95	Test dùng cho máy đo đường huyết cầm tay TD 4279 (Kit thử đường huyết)	Hộp	16	
96	Túi chườm cao su (chườm nóng)	Cái	10	
97	Túi chườm lạnh (Người lớn)	Cái	10	
98	Túi đựng nước tiểu	Cái	23	
99	Tuýp nhôm (30 gam) làm bảo chế tuýp thuốc mỡ	Tuýp	500	
100	Thước đo trẻ sơ sinh	Cái	3	
101	Vải gạc (Gạc mét)	Mét	2335	

Báo giá đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết để thực hiện cung cấp hàng hóa/dịch vụ tại Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Phần 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

- Căn cứ ____ [Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên giao thầu và Bên nhận thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc: Phê duyệt kết quả chỉ định thầu rút gọn của Bên giao thầu;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN GIAO THẦU (GỌI TẮT LÀ BÊN A): _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Tại: _____

Mã số thuế: _____

BÊN NHẬN THẦU (GỌI TẮT LÀ BÊN B): _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Tại: _____

Mã số thuế: _____

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng cung cấp _____ với các nội dung sau:

Điều 1. Bên B cam kết cung cấp và lắp đặt _____ cho bên A với số lượng, chủng loại và đơn giá như thống kê ở bảng sau:

STT	Tên hàng/dịch vụ	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
....					
	Tổng cộng				

(Bảng chữ: _____)

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật: Phải đảm bảo chất lượng, các yêu cầu kỹ thuật _____ khi đưa vào hoạt động đảm bảo hoạt động tốt, được đơn vị sử dụng nghiệm thu.

Điều 3. Điều kiện nghiệm thu bàn giao:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng ____ ngày kể từ khi ký hợp đồng.
____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại yêu cầu báo giá]
- Bên B bàn giao cho bên A đầy đủ hoá đơn, hồ sơ cần thiết cho việc thanh toán và các phụ kiện kèm theo.

Điều 4. Bảo hành:

- Thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất là ____ tháng.
- Địa điểm bảo hành: [Tại địa chỉ của bên giao thầu] về lỗi kỹ thuật của thiết bị cần bảo hành thì bên B phải có mặt để thực hiện bảo hành.
- Kinh phí bảo hành do bên B chịu.

Điều 5. Giá trị hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 7. Thanh toán:

- Thanh toán: ____ [ghi phương thức thanh toán].
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 8. Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành ____ bản, bên A giữ ____ bản bên B giữ ____ bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]